



## THÔNG BÁO

Về việc miễn, giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy (*đại học, cao đẳng và liên thông đại học*) năm học 2017 – 2018

### A. MỘT SỐ LƯU Ý:

- Thông tin về việc miễn, giảm học phí (MGHP) năm học 2017 – 2018 đã được đăng trong “*Cẩm nang sinh viên năm học 2017 – 2018*” tại website của Trường tại link:

<http://phongctsv.buh.edu.vn/thong-tin-tham-khao/ca-m-nang-sinh-vien-nam-hoc-2017-2018-5312.html>

- Việc xét MGHP đối với sinh viên (SV) hệ chính quy (*đại học, cao đẳng và liên thông đại học*) năm học 2017 – 2018 được thực hiện tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh để trình cơ quan cấp trên duyệt chi trả.

- Tất cả các đối tượng được hưởng MGHP chỉ làm hồ sơ một lần trong suốt khóa học. SV chỉ làm lại hồ sơ khi có thay đổi về đối tượng, phạm vi áp dụng.

- SV thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo cần nộp bổ sung **giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo** do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trong từng học kỳ của mỗi năm học để làm căn cứ xét MGHP.

- Đối với SV thuộc đối tượng được MGHP nhưng chưa nộp hồ sơ xin xét MGHP trong năm học 2016 – 2017 tại Trường, SV sẽ làm và nộp hồ sơ theo đúng quy trình hướng dẫn ở phần (III) (*trong đơn trình bày, ghi rõ năm học xin xét MGHP là 2016 – 2017*) hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Công tác SV Trường **trước ngày 24/10/2017**. Mức cấp bù học phí cho SV theo khung học phí của năm học đó đối với từng hệ đào tạo (*đại học/cao đẳng/liên thông đại học*).

- Từ năm học 2018 – 2019 trở đi, Trường không thực hiện việc xét bổ sung MGHP của các năm học trước (*đến khi có thông báo mới về hướng dẫn xét*

*cấp MGHP*). SV lưu ý quy định về thời gian nộp hồ sơ xét MGHP để thực hiện đúng.

- Chỉ áp dụng chế độ MGHP đối với 2 học kỳ chính (*10 tháng/01 năm học*), không áp dụng cho học kỳ hè.

- SV thuộc diện MGHP đã bảo lưu hoặc tạm dừng học thì khi trở lại học phải làm lại hồ sơ MGHP theo thông báo trong năm học đó.

- Thời gian SV bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lại sẽ không được hỗ trợ tiền MGHP.

## **B. NỘI DUNG THÔNG BÁO**

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 16/7/2015 của liên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của TTLT số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 30/5/2014 của liên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về MGHP, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 30/03/2016 của liên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 1040/QĐ-ĐHNN ngày 18/6/2014 của Hiệu trưởng Trường ĐH Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Trường ĐH Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Công tác Sinh viên;*

Phòng Công tác Sinh viên thông báo đến sinh viên hệ chính quy (*đại học, cao đẳng và liên thông đại học*) của Trường (*thuộc đối tượng được MGHP*) về việc hướng dẫn quy trình nộp hồ sơ và xét cấp MGHP năm học 2017 – 2018 như sau:

STT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ
<b>I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ:</b>		
1.	<p><b>Sinh viên là con của người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (NCCVCM) số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi NCCVCM. Cụ thể:</b></p> <p>a) Sinh viên là con của anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh, người hưởng chính sách như Thương binh; Bệnh binh.</p> <p>b) Sinh viên là con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.</p>	<p>1. Đơn đề nghị MGHP (Mẫu đơn phụ lục IV theo file đính kèm thông báo này).</p> <p>2. Giấy khai sinh (bản sao có công chứng).</p> <p>3. Giấy xác nhận thuộc đối tượng người có công và thân nhân của người có công với cách mạng do cơ quan quản lý đối tượng người có công và ủy ban nhân dân xã (hoặc phường) xác nhận; thẻ thương binh/thẻ bệnh binh/thẻ thanh niên xung phong/GXN liệt sĩ/GXN AHLVTND/GXN AHLĐTKC/Quyết định về người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học,... (bản sao có công chứng).</p>
2.	<p><b>Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo</b> theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>1. Đơn đề nghị MGHP (Mẫu đơn phụ lục IV theo file đính kèm thông báo này).</p> <p>2. Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội cấp xã, hoặc phường (Mẫu số 01 - Thông tư 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012) Giấy xác nhận của Bệnh viện quận, huyện, thị xã hoặc của Hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn đối với SV bị tàn tật, khuyết tật và giấy chứng nhận hộ</p>

		<p>nghèo hoặc hộ cận nghèo của Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng có khó khăn về kinh tế.</p> <p>3. Bản sao sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo/hộ cận nghèo (năm 2016, năm 2017).</p>
<p>3.</p>	<p><b><i>Sinh viên (nhỏ hơn 22 tuổi) không có nguồn nuôi dưỡng</i></b> quy định tại Khoản 1, Điều 5, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Cụ thể:</p> <p>a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;</p> <p>b) Mồ côi cả cha và mẹ;</p> <p>c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;</p> <p>e) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;</p> <p>f) Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;</p> <p>h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;</p> <p>i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;</p> <p>j) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định</p>	<p>1. Đơn đề nghị MGHP (Mẫu đơn phụ lục IV theo file đính kèm thông báo này).</p> <p>2. Giấy khai sinh (bản sao có công chứng).</p> <p>3. Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (mẫu số 01 được ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội) Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc phường) đối với SV mồ côi cả cha lẫn mẹ.</p>

	<p>của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;</p> <p>k) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.</p>	
4.	<b><i>Sinh viên hệ cử tuyển.</i></b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị MGHP (Mẫu đơn phụ lục IV theo file đính kèm thông báo này).</li> <li>2. Bản sao Quyết định cử đi học của UBND tỉnh.</li> <li>3. Hộ khẩu (bản sao có công chứng).</li> </ol>
5.	<b><i>Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.</i></b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị MGHP (Mẫu đơn phụ lục IV theo file đính kèm thông báo này).</li> <li>2. Giấy khai sinh hoặc hộ khẩu (bản sao có công chứng) hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số.</li> <li>3. Bản sao có công chứng sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (năm 2016, năm 2017) do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.</li> </ol>
6.	<p><b><i>Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.</i></b></p> <p>a) Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Công, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị MGHP (Mẫu đơn phụ lục IV theo file đính kèm thông báo này).</li> <li>2. Giấy khai sinh (bản sao có công chứng) hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số rất ít người.</li> </ol>

b) Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn (ĐBKK) theo quy định tại các văn bản dưới đây:

- Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư “Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã ĐBKK vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 – 2010” (Chương trình 135 giai đoạn II).

- Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 28/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II.

- Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II.

- Quyết định số 1105/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã hoàn thành mục tiêu, ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II.

- Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II.

- Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 03 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn và các Quyết định bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01

3. Sổ hộ khẩu thường trú (bản sao có công chứng).

tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013 -2015.

- Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

- Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy Dân tộc phê duyệt danh sách thôn ĐBKK vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135.

- Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu; huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên vào danh mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.

- Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về danh sách các xã ĐBKK, thôn ĐBKK (nếu có).

Khi cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt danh sách các xã, thôn hoàn thành mục tiêu chương trình thì đối tượng thuộc phạm vi các xã, thôn đó không được hưởng chế độ kể từ khi Quyết định có hiệu lực thi hành.

## II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ:

7.	<i>Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã</i>	1. Đơn đề nghị MGHP (Mẫu đơn phụ lục IV theo file đính kèm thông báo
----	---	--

	<i>hội đặc biệt khó khăn</i> theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	<p>này).</p> <p>2. Giấy khai sinh (<i>bản sao có công chứng</i>) hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số.</p> <p>3. Sổ hộ khẩu thường trú (<i>bản sao có công chứng</i>).</p>
--	---	---

### III. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIẢM 50% HỌC PHÍ:

8.	<i>Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.</i>	<p>1. Đơn đề nghị MGHP (<i>Mẫu đơn phụ lục IV theo file đính kèm thông báo này</i>).</p> <p>2. Giấy khai sinh (<i>bản sao có công chứng</i>).</p> <p>3. Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của bố hoặc mẹ được tổ chức bảo hiểm xã hội cấp do tai nạn lao động (<i>bản sao y có công chứng</i>).</p>
----	--	---

### IV. QUY TRÌNH, THỦ TỤC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ:

*Bước 1:* SV điền đầy đủ thông tin, lấy chứng nhận (*theo quy định*) vào “Đơn đề nghị MGHP” (*Mẫu đơn phụ lục IV theo file đính kèm thông báo này*).

*Bước 2:* SV chuẩn bị 01 bản sao (*có công chứng*) các giấy tờ có liên quan tới đối tượng được MGHP như đã nêu ở phần (I) và phần (II).

*Bước 3:* SV nộp hồ sơ cho lớp trưởng (*đề nghị lớp trưởng ký nhận*) **trước ngày 20/10/2017.**

*Bước 4:* Lớp trưởng nhận hồ sơ, lập danh sách trích ngang chính xác, tách riêng những SV được miễn và giảm học phí theo từng năm học (*số thứ tự, khoa, lớp, mã số SV, họ tên, ngày sinh, đối tượng*), gửi file và văn bản có chữ ký người tập hợp về Văn phòng Khoa quản lý sinh viên (*liên hệ Giáo vụ Khoa*) **trước ngày 24/10/2017.**

*Bước 5:* Giáo vụ khoa đối chiếu danh sách trích ngang với hồ sơ để rà soát thông tin, sàng lọc đối tượng không đủ tiêu chuẩn và trình Trưởng khoa (*hoặc Phó Trưởng khoa, phụ trách khoa*) ký xác nhận, sau đó gửi bản tổng hợp (*File*



và văn bản giấy) kèm hồ sơ về Phòng Công tác Sinh viên trước ngày 31/10/2017 để xét và trình Hội đồng Trường duyệt.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- BGH (để báo cáo);
- Ban website (để thông báo);
- Các lớp sinh viên (để thực hiện);
- Các Khoa Quản lý SV (để phối hợp);
- BCH Đoàn TN – Hội SV (để phối hợp);
- P. Tài chính – Kế toán (để phối hợp);
- Lưu: VP và P.CTSV.

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN**



**ThS. Lâm Thị Kim Liên**

